

Số: 285 /CNPĐ-TM

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2026

V/v mời cung cấp báo giá Vật tư thay thế hệ thống các quạt khói gió phục vụ BDSCĐK năm 2026 - NMNĐ Sông Hậu 1

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí (Chi nhánh) đang có nhu cầu mua sắm vật tư thay thế hệ thống các quạt khói gió phục vụ Bảo dưỡng sửa chữa định kỳ năm 2026 của Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 tại ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ. Chi nhánh kính mời các Quý công ty có năng lực kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp các vật tư thay thế hệ thống các quạt khói gió phục vụ vận hành các Nhà máy công nghiệp quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
 - ✓ Danh mục hàng hóa vật tư cần mua sắm như *Phụ lục phạm vi công việc đính kèm*.
 - ✓ Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất. Hàng hóa có đầy đủ CO (nếu là hàng nhập khẩu) và CQ.
- Tiến độ cung cấp hàng hóa: Trước ngày 20/07/2026.
- Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: Không muộn hơn 14h00' ngày 10/02/2026.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ.
- ✓ Hình thức nhận báo giá: Các đơn vị gửi báo giá (file scan, có ký tên, đóng dấu đỏ bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Quý công ty như Phụ lục biểu chào giá đính kèm) qua thư điện tử theo các địa chỉ email: hanhhlh@pvpvgb.vn, haivdt@pvpvgb.vn, nhanbaogia.hn@pvpvgb.vn.
- ✓ Thông tin liên hệ nhận báo giá: Mọi thông tin cần trao đổi, làm rõ xin liên hệ Bà Lương Hồng Hạnh – Phòng Thương mại, Tel: 0915.977.820.

Chi nhánh cảm ơn sự hợp tác và rất mong nhận được báo giá của Quý công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các PGĐ CN (e-copy);
- Lưu: VT, TM (L.H.H).

Đính kèm:

- Phụ lục Phạm vi công việc.
- Phụ lục Biểu chào giá.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Đạo



PHỤ LỤC PHẠM VI CÔNG VIỆC

(Đính kèm Công văn số 85/CNPĐ-TM ngày 04/02/2026)





PHỤ LỤC 03: SH2026-SCĐK-003: DANH MỤC VẬT TƯ THAY THẾ CÁC QUẠT KHÓI GIỎ

STT	STT theo hệ thống	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/thiết bị	Tên vật tư/nào ra	Order information (Part No)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ (cấp nhập theo: EPC/OMM/Name plate)	Mã vị trí/vị trí lắp	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
	3		Flue & Gas System										
	3.1		PAF			FAN TYPE: L3N 2016.00.00 DBV6F	Howden						
1	3.1.1	51746016		Flexible coupling		Flexible for KTR Rotex Size GS 19 claw 6EA	KTR Rotex	Châu Âu/G7	Thông số thực tế	Thông số thực tế	8	PC	
2	3.1.2	51712106		Coupling		KTR Rotex 19	KTR Rotex	Châu Âu/G7	Thông số thực tế	Thông số thực tế	2	PC	
	3.2		PDF			Fan type and size: PFG-312-090-02	Howden					PC	
	3.2.1			IMPELLER & HYDRAULIC CYLINDER SYSTEM			Howden		SHI-DHL-P IHLB-M-M01-MAN-1643 (Page: 185)	SHI-DHL-P IHLB-M-M01-MAN-1643 (Page: 185)			
3	3.2.1.3	56150471		Thrust ball bearing	V10216780		Howden	SWEDEN	Item No: 5	Item No: 5	52	PC	X
4	3.2.1.11	48536093		Sealing ring	V10219661		Howden	SWEDEN	Item No: 18	Item No: 18	4	PC	X
5	3.2.1.14	53901018		Washer	V4558327-0100		Howden	SWEDEN	Item No: 21	Item No: 21	40	PC	X
6	3.2.1.15	53901019		Hexagon bolt	P10059454		Howden	SWEDEN	Item No: 22	Item No: 22	40	PC	X
7	3.2.1.18	53901022		Teflon washer	V8516868-0200		Howden	SWEDEN	Item No: 26	Item No: 26	4	PC	X
8	3.2.1.19	53901024		Sealing	V8512810		Howden	SWEDEN	Item No: 27	Item No: 27	52	PC	X
9	3.2.1.20	53901025		Hydraulic cylinder	V8512138-0100		Howden	SWEDEN	Item No: 29	Item No: 29	2	PC	X
10	3.2.1.21	53901026		Roasting Union	P80015712	KTRODA-RJH-062M	Howden	Japan	Item No: 30	Item No: 30	2	PC	X
	3.2.2			Main bearing			Howden /SKF		SHI-DHL-P IHLB-M-M01-MAN-1643 (Page: 190)	SHI-DHL-P IHLB-M-M01-MAN-1643 (Page: 190)			
11	3.2.2.1	50396199		Bearing	P10169427	23130 CCW/33	SKF	SWEDEN	Item No: 2	Item No: 2	6	PC	
12	3.2.2.2	53901027		Air filter	P10091542		Howden	SWEDEN	Item No: 6	Item No: 6	3	PC	X
13	3.2.2.3	53901028		O-ring	P10169484		Howden	SWEDEN	Item No: 10	Item No: 10	6	PC	X
14	3.2.2.4	53901030		Sealing	P10107739		Howden	SWEDEN	Item No: 12	Item No: 12	4	PC	X
	3.2.3			HYDRAULIC SYSTEM					SHI-DHL-P IHLB-M-M01-MAN-1647 (Page: 775 - 779)	SHI-DHL-P IHLB-M-M01-MAN-1647 (Page: 775 - 779)			
15	3.2.3.1	48846010		Rubber hose	1200601	605AA/10 bar OD=58mm ID=48mm	AVN HYDRAULIK	Châu Âu/G7/OECD	13	13	4	PC	
16	3.2.3.2	48846021		Rubber hose	1200600	605AA/10 bar OD=52mm ID=42mm	AVN HYDRAULIK	Châu Âu/G7/OECD	12	12	8	PC	
17	3.2.3.3	51700173		Rubber gasket	201500	OMT R 62	OMT	Châu Âu/G7/OECD			12	PC	X





STT	STT theo Hệ thống	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/thiết bị	Tên vật tư/mô tả (Textile Part)	Order information (Part No)	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ (cấp nhà máy: EPC/ OEM/ Name plate)	Mã vị trí/ Mã lắp (Page: 161) No. 1	Mã vị trí/Bản vẽ M01-MAN-1643 (Page: 161) No. 1	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
18	3.2.4	53901067		FDF Flexible connection outlet (Textile Part)			Howden	Châu Âu/G7/OECD	SHI-DH-PHILB-M01-MAN-1643 (Page: 161) No. 1	SHI-DH-PHILB-M01-MAN-1643 (Page: 161) No. 1	4	PC	x
	3.3		IDF			Fan type and size: PFTO-265-129-64	Howden					PC	
	3.3.1			IMPELLER & HYDRAULIC CYLINDER SYSTEM			Howden						
19	3.3.1.1	53901031		Hydraulic cylinder	Part No: V10198796-1100		Howden	SWEDEN	Item No: 1	Item No: 1	2	PC	x
20	3.3.1.4	53901066		Sealing ring	Part No: V8509132		Howden	SWEDEN	Item No: 09	Item No: 09	66	PC	X
21	3.3.1.5	53901060		Thrust ball bearing	Part No: V8516371		Howden	SWEDEN	Item No: 15	Item No: 15	68	PC	X
22	3.3.1.6	53901011		Scraper	Part No: V8514314		Howden	SWEDEN	Item No: 16	Item No: 16	8	PC	X
23	3.3.1.11	53901037		Sealing	Part No: V8513537		Howden	SWEDEN	Item No: 31	Item No: 31	61	PC	X
24	3.3.1.14	53901023		Retaining Union	Part No: Pg0001035		Howden	Japan	Item No: 45	Item No: 45	2	PC	X
25	3.3.1.17	48001002		Blade screw	Part No: PT0659472		Howden	Italia	Item No: 29	Item No: 29	368	PC	X
26	3.3.1.18	53901004		Teflon washer	Part No: V10061206		Howden	SWEDEN	Item No: 32	Item No: 32	2	PC	X
27	3.3.1.19	53901005		Teflon washer	Part No: V10061214		Howden	SWEDEN	Item No: 32	Item No: 32	2	PC	X
	3.3.2			Main bearing (ID)		-Drawing No: Y10234528 -SNL 3040 TURAK7V22 + Ordered separately	Howden/SKF						
	3.3.3			Main bearing (NDE)		- Drawing No: V10234458 - SNL 3344 TUKTK7V23 + Ordered separately	Howden/SKF						
40	3.3.3.16	48856024		Locating ring		FRB-10400	SKF	SWEDEN	Item No: 16	Item No: 16	4	PC	X
	3.3.4			HYDRAULIC SYSTEM						SHI-DH-PHILB-M01-MAN-1649 (Page: 752 - 756)			
41	3.3.4.2	48846024		Rubber hose	1200601	605AA/10 bar OD=58mm ID=48mm, Length: 500	AVN HYDRAULIK	Châu Âu/G7	13	13	2	PC	
42	3.3.4.3	53901064		Rubber hose	1200600	605AA/10 bar OD=52mm ID=42mm, Length: 680	AVN HYDRAULIK	Châu Âu/G7	12	12	6	PC	
43	3.3.5	53901063		IDF Flexible connection outlet (Textile Part)	4254504-0	- Ref.no.: 43609 - Type: MN300-IUTV.o - Item No: 1 (thông số thực tế)	Howden	Denmark	SHI-DH-PHILB-M01-MAN-1645 (Page: 168)	SHI-DH-PHILB-M01-MAN-1645 (Page: 168)	2	PC	X

Ghi chú:

(S) Các hàng hóa trên là vật tư thay thế (spare part), không có kích thước chi tiết, chỉ có mã vị trí lắp đặt của thiết bị thuộc hệ thống quạt khói gió là kết nối trực tiếp vào Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt, kết nối, điều khiển cho thiết bị hệ thống nêu trên), VTTT phải là hàng hóa chính hãng, đang chung loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu;



PHỤ LỤC BIỂU CHÀO GIÁ

(Đính kèm Công văn số /CNPĐ-TM ngày /02/2026)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn giá (trước thuế) VNĐ	Thành tiền (trước thuế) VNĐ
1	Cung cấp vật tư thay thế hệ thống các quạt khói gió phục vụ BDSCĐK NMNĐ Sông Hậu 1					
	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ					
	CÁC LOẠI THUẾ, PHÍ CÓ LIÊN QUAN					
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ					

(Bằng chữ: đồng)

Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày gửi báo giá.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
(ký tên, đóng dấu)

